

## THỬ ĐO ĐẶC CHỈ SỐ TRÍ TUỆ CẢM XÚC Ở SINH VIÊN SƯ PHẠM

NGUYỄN QUANG UẨN\*  
ĐỖ THU HIỀN\*\*

### 1. Quan niệm về trí tuệ và trí tuệ cảm xúc khác.

Trí tuệ là một trong những mặt cơ bản, nhân lõi của đời sống tâm lý con người. Các nhà khoa học thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau đã quan tâm nghiên cứu khá nhiều và đã đạt được những thành tựu to lớn về lĩnh vực này.

Các nhà tâm lý học đã thừa nhận coi trí tuệ học tập và tư duy có quan hệ chặt chẽ với nhau. Đã có lúc người ta coi "trí tuệ là năng lực học tập" (N.Đ. Lêvitôp, V.V. Bôgôxlôvski); "trí tuệ là năng lực tư duy" (M.N.Menchincaia, X.L.Rubinstein v.v...); "trí tuệ là năng lực thích nghi, thích ứng của cá nhân" trong cuộc sống (W.Stern, D.Wechsler, J.Piaget v.v...).

Về phương diện lý luận và nghiên cứu thực nghiệm, các nhà tâm lý học đã nêu lên rất nhiều quan niệm về trí tuệ: quan niệm hai nhân tố về trí tuệ - nhân tố chung và nhân tố chuyên biệt (C. Spearman), quan niệm đa nhân tố (E. Thorndike, L.L. Thurstone, J.P. Guilford, R. Sternberg), quan niệm đa trí tuệ (nhiều dạng trí tuệ) của H. Gardner, trong đó có trí tuệ về người

Trí tuệ theo quan niệm truyền thống hầu như được xem là đồng nhất với trí thông minh (Intelligence). Các trắc nghiệm (test) đo trí tuệ như: test Binet-Simon, test Standfford-Binet, test Raven, test Wechsler đã được sử dụng nhằm xác định chỉ số thông minh IQ (Intelligence Quotient) đem lại những đóng góp đáng kể.

Tuy nhiên từ lâu các nhà tâm lý học cũng đã đặt ra những câu hỏi khá phức tạp và lý thú: liệu có phải trí tuệ của con người chỉ biểu hiện ở trí thông minh hay còn có các loại trí tuệ khác, không kém phần quan trọng và không thể thiếu trong cuộc sống thực của con người như: trí tuệ sáng tạo, trí tuệ cảm xúc? Chính vì lẽ đó nhiều nhà tâm lý học đã đi đến những quan niệm mới về trí tuệ (Wisdom). Họ cũng tự cảm thấy quan niệm trí tuệ theo truyền thống (Intelligence) tỏ ra không đủ sức bao hàm toàn bộ các hình thức đa dạng và

\*GS,TS. Khoa Tâm lý - Giáo dục, ĐHSP Hà Nội.

\*\* ĐHSP Hà Nội.

các loại khác nhau về trí tuệ con người. Một số nhà tâm lý học như: D.Wechsler (1956), Hofstactter (1971), R.Sternberg, H.Gardner (1984) v.v... cho rằng trí tuệ con người không phải chỉ biểu hiện ở trí thông minh (trí tuệ nhận thức, trí tuệ lý trí) mà còn thể hiện rất sinh động và độc đáo trong việc giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn hàng ngày: trí tuệ thực tiễn (Practical Intelligence) trong sự tương tác với môi trường xã hội, với quan hệ con người. Vì thế người ta nói đến trí tuệ xã hội (Social Intelligence) (S.I) trong lĩnh vực trí tuệ chung của con người. Trí tuệ xã hội (S.I) được thể hiện ở 3 thành tố cơ bản:

1 - Tự nhận thức về bản thân.

2 - Năng lực xã hội thể hiện ở 3 tiểu thành tố:

- Nhận thức (Cognitire).

- Xúc cảm (Emotion).

- Vận động (Motorie).

3 - Trí tuệ cảm xúc (Emotional Intelligence - E.I) bao gồm 4 tiểu thành tố:

- Sự hiểu biết về cảm xúc của bản thân.

- Khả năng biểu hiện cảm xúc.

- Điều khiển được cảm xúc của bản thân và của người khác.

- Dùng cảm xúc để hành động có kết quả.

Như vậy, theo quan điểm hiện đại về trí tuệ (Wisdom) đã có không ít nhà tâm lý học cho rằng nếu chỉ giới hạn trí tuệ theo quan niệm truyền thống có nhiều hạn chế. Trong thực tế có những người có chỉ số thông minh (IQ)

khá cao, nhưng chưa chắc đã thành công trong cuộc sống. Chẳng hạn Daniel Goleman - nhà tâm lý học Mỹ đã khẳng định: trong các yếu tố đưa đến sự thành công của con người thì IQ chỉ chiếm 20% mà thôi. Người ta ngày càng có xu thế khẳng định: Trí tuệ cảm xúc là loại trí tuệ rộng hơn trí thông minh, *trí tuệ lý trí*, nó quyết định sự thành đạt của con người nhiều hơn là trí tuệ lý trí. Trí thông minh giúp con người nhận thức thế giới khách quan, trí tuệ cảm xúc giúp con người nhận thức và làm chủ cảm xúc của mình, của người khác, tổ chức điều chỉnh, thúc đẩy hành động của con người có hiệu quả trong cuộc sống.

+ Thuật ngữ trí tuệ cảm xúc ("Emotional Intelligence - EI) đã được Peter Salovey (Trường đại học Yale - Mỹ) và John D.Mayer (Đại học New Hampshire) nêu lên lần đầu tiên vào năm 1990 trong cuốn "Imagination, Cognition and Personality". Hai nhà tâm lý học này quan niệm "*trí tuệ cảm xúc là năng lực nhận biết xúc cảm của mình và của người khác, biết bày tỏ xúc cảm của mình và hoà xúc cảm vào suy nghĩ, có thể hiểu và phân tích bằng xúc cảm, đồng thời có khả năng định hướng, điều khiển, kiểm soát xúc cảm của bản thân và của người khác, nhằm gia tăng sự phát triển cảm xúc và trí tuệ*".

P. Salovey đã nêu lên 5 biểu hiện của trí tuệ cảm xúc như sau:

- Sự hiểu biết về cảm xúc của bản thân.

- Làm chủ cảm xúc của bản thân.

- Khả năng nhận biết cảm xúc của người khác.

- Khả năng đồng cảm, thấu cảm, truyền cảm hứng, khuyến khích mình và người khác hành động.

- Khả năng làm chủ các mối quan hệ người - người.

+ Nhà tâm lý học Mỹ Daniel Goleman trong cuốn "L'intelligence Émotionnelle" bản tiếng Pháp, xuất bản tại Paris 1997 (bản dịch ra tiếng Việt "Trí tuệ xúc cảm của Lê Diên - Nxb KHXH. Hà Nội -2002) cho rằng: *Trí tuệ xúc cảm là khả năng quan sát các cảm xúc của bản thân và của người khác, khả năng phân biệt chúng và sử dụng các thông tin và cảm xúc nhằm định hướng suy nghĩ và hành động của mình.* Năm 1995, Daniel Goleman đã nêu ra 5 biểu hiện của *trí tuệ xúc cảm*. Tuy nhiên trong một công trình công bố gần đây (vào năm 2001), Daniel Goleman nêu lên 4 biểu hiện của trí tuệ xúc cảm nói lên năng lực cá nhân của con người trong mối quan hệ với mình và năng lực xã hội của con người trong mối quan hệ với người khác:

1 - *Tự biết mình* (nhận biết xúc cảm của mình, tự tin, đánh giá đúng về mình).

2 - *Tự kiểm soát, tự quản* (kiểm soát xúc cảm của bản thân) có niềm tin, tự ý thức, sáng tạo động cơ thành đạt và khả năng thích ứng.

3 - *Nhận biết các quan hệ xã hội* (đồng cảm, hiểu biết xúc cảm của người khác, định hướng và tổ chức hành động).

4 - *Kiểm soát, điều khiển các mối quan hệ xã hội* (tạo ảnh hưởng, giao

tiếp, xây dựng các mối quan hệ, hợp tác).

**Tóm lại:** Cùng với trí thông minh, trí tuệ ngày nay được hiểu theo quan niệm mới hơn bao gồm cả trí tuệ cảm xúc, trí tuệ sáng tạo.

## 2. Đo lường trí tuệ cảm xúc

Việc đo đặc trí tuệ cảm xúc là một vấn đề rất phức tạp và khó khăn. Nhiều nhà tâm lý học đã tiến hành nghiên cứu và nêu lên nhiều phép đo trí tuệ cảm xúc E.I. bằng chỉ số trí tuệ cảm xúc E.Q. Hiện nay có nhiều trắc nghiệm (test) đo trí tuệ cảm xúc, song người ta thường nói tới 3 loại trắc nghiệm sau đây:

- Test EQ tự thuật.

- Test EQ khách quan.

- Test EQ trực tiếp.

\* *Test EQ tự thuật* xác định trí tuệ cảm xúc của nghiệm thể trên cơ sở yêu cầu anh ta tự thuật về các biểu hiện trí tuệ cảm xúc của mình. Có nhiều test EQ tự thuật, trong đó có test EQ của Daniel Goleman nêu ra năm 1995. Chẳng hạn, nghiệm thể được cung cấp 10 tình huống có nêu sẵn 4 phương án giải quyết, yêu cầu nghiệm thể chọn một trong 4 cách giải quyết tương đối phù hợp với ý mình.

\* *Test EQ khách quan* do Pieger nêu ra năm 1990, trong đó nghiệm thể được thử lần lượt 12 ảnh khuôn mặt, 12 màu sắc, 12 đoạn thẳng, 12 âm thanh. Ở mỗi loại đối tượng được giới thiệu, yêu cầu từng nghiệm thể chọn 1 trong 6 mức độ cảm xúc khác nhau: vui, buồn, giận dữ, sợ hãi, ngạc nhiên, kinh tởm, phù hợp với mình khi nhìn thấy nó.

\* *Test EQ trực tiếp* yêu cầu nghiệm thể trả lời một cách trực tiếp lần lượt một hệ thống câu hỏi có liên quan trực tiếp tới cảm xúc của mình, chẳng hạn:

- Mình có tự kiểm soát được cảm xúc của mình không ?
- Mình có hay nổi nóng không ?
- Sự phản ứng của người khác có làm cho mình khó chịu không ?
- Mình có hay ngạc nhiên không?
- Mình có hay ân hận về những điều làm chưa đúng của bản thân?
- Mình có hay cảm thấy bị người khác hiểu lầm không ? v.v...

Hiện nay có nhiều phép đo EI, một trong những phép đo đó đã được các tác giả Việt Nam thuộc chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước KX-05 sử dụng là trắc nghiệm đo EQ (MSCEIT) của John Mayer, Peter Salovey và David Casuso, Verston 2.0.2002, dành cho người lớn từ 16 tuổi trở lên, gồm 141 Item, thời gian từ 40

đến 45 phút, thực hiện với cá nhân hoặc nhóm. Trắc nghiệm này được thiết kế dựa trên mô hình trí tuệ cảm xúc kiểu thuần năng lực, vừa được một nhóm các cán bộ nghiên cứu tâm lý học Việt Nam Việt hoá trên cơ sở mẫu quốc gia của Hoa Kỳ. Nội dung trắc nghiệm này bao quát 4 khu vực, nhận thức xúc cảm, xúc cảm hoá ý nghĩ, hiểu biết xúc cảm và điều khiển xúc cảm.

Để góp phần tìm hiểu và đo đạc chỉ số trí tuệ cảm xúc EQ ở sinh viên, chúng tôi đã sử dụng trắc nghiệm MSCEIT nói trên dưới sự giúp đỡ của PGS.TS. Nguyễn Huy Tú và TS. Nguyễn Công Khanh bước đầu thử đo đạc chỉ số EQ của 99 sinh viên khoa Tâm lý - Giáo dục (TLGD) trường ĐHSP Hà Nội (năm học 2003 - 2004), gồm 40 sinh viên nam, 59 sinh viên nữ (trong đó có 25 sinh viên đạt học lực loại giỏi và khá, 74 sinh viên loại trung bình khá và trung bình).

### 3. Kết quả thử đo đạc EQ ở sinh viên sư phạm

#### 3.1. Điểm trung bình, điểm EQ và độ lệch chuẩn thu được trên mẫu 99 sinh viên khoa TLGD

*Bảng 1: Điểm trắc nghiệm trung bình của sinh viên khoa TLGD*

99 Sinh viên	Điểm TB	Điểm EQ min	Điểm EQ max	Độ lệch chuẩn
	101,476	64,4	131,1	12,88

Từ bảng 1 cho thấy điểm trung bình  $\bar{X}$  ở sinh viên là 101,476, điểm giới hạn EQ min là 64,4, EQ max là 131,1, độ lệch chuẩn là 12,88. Nếu so sánh kết quả thử đo lường EQ trên mẫu hạn chế 99 sinh viên với kết quả của đề tài KX- 05 -

06 (thuộc chương trình KX-05) trên mẫu nghiệm thể 2678 học sinh, sinh viên và lao động trẻ thì điểm trung bình, độ lệch chuẩn và giới hạn điểm EQ của sinh viên khoa TLGD trường ĐHSP Hà Nội cao gần gấp đôi. Tuy nhiên độ lệch chuẩn của mẫu nghiệm thể 99 sinh viên khoa TLGD là 12,88, cao hơn rất nhiều so với mẫu chung của đề tài KX-05-06. Điều đó chứng tỏ EQ trí tuệ cảm xúc của sinh viên khoa TLGD phát triển không đồng đều, phân tán, ít tập trung.

### 3.2. Mức độ trí tuệ cảm xúc EQ của 99 sinh viên khoa TLGD

Trí tuệ cảm xúc EQ của sinh viên khoa TLGD được thể hiện ở bảng 2

Bảng 2: Mức độ trí tuệ cảm xúc EQ của 99 sinh viên khoa TLGD

Mức độ	Xếp loại trí tuệ CX	Thang điểm EQ	Số sinh viên	Tỉ lệ %
I	Rất cao	$\geq 130$	1	1
II	Cao	115-129	11	11,1
III	Trung bình	85-114	77	77,8
IV	Thấp	71-84	9	10,1
V	Rất thấp	$\leq 70$	2	2

Từ bảng 2 cho thấy: mức độ trí tuệ cảm xúc EQ của 99 sinh viên TLGD không đồng đều, phân bố rất khác nhau, từ mức độ rất cao tới mức độ rất thấp. Cụ thể là:

+ Mức độ I: *Rất cao* (Có EQ  $\geq 130$ ) có một sinh viên (sinh viên Nguyễn Thị L) chiếm 1%.

+ Mức độ II: *Cao* (có EQ từ 115-130) có 11 sinh viên, chiếm 11,1%, trong đó có 2 sinh viên Vũ Khánh L với điểm EQ = 129,9, Trịnh Thị Y: EQ=129,1. Cả 3 sinh viên nói trên qua trắc nghiệm đã thể hiện sự vượt trội về các khả năng kiên trì, khả năng vững tin khi gặp khó, khả năng tự điều khiển cảm xúc của bản thân, khả năng thấu hiểu và đồng cảm với người khác.

Qua trao đổi với sinh viên cùng khoá, họ đều nhận xét: Khánh L, Y, L là những cô giáo tốt bụng, vui vẻ, sống hoà đồng và sẵn sàng giúp đỡ bầu bạn... Họ là những sinh viên học khá và giỏi (Khánh L).

+ Mức độ III: *Mức độ trung bình* (có EQ từ 85-114) chiếm 77 trên 99 sinh viên đạt tỉ lệ 77,8% số sinh viên. Điều đó nói lên mức độ EQ của sinh viên khoa TLGD đa phần đang ở mức trung bình.

+ Mức độ IV thấp (Có EQ từ 71 - 84): có 9 sinh viên chiếm tỷ lệ 10,1%.

+ Mức độ V: *Rất thấp* (có EQ  $\leq 70$ ) có 2 sinh viên chiếm tỉ lệ 2%.

Tuy nhiên, ở những sinh viên có điểm EQ không cao, nhưng điểm học lực không kém, chẳng hạn, có sinh viên có EQ  $\approx 64,4$  nhưng điểm trung bình học lực ở mức trung bình khá  $\approx 7,47$ . Tương quan giữa điểm EQ và điểm học lực của sinh viên theo sự tính toán của chúng tôi có sự khác biệt không đáng kể = 0,16. Như vậy kết quả học tập (theo điểm số học lực) không hẳn đã tương xứng với điểm EQ.

Mặt khác, việc thử nghiệm của chúng tôi cũng cho thấy: phần lớn sinh viên có chỉ số EQ cao tập trung ở sinh viên năm thứ 3 và năm thứ 4. Điều này cho thấy sinh viên ở các năm cuối có sự trải nghiệm cuộc sống nhiều hơn có thể có chỉ số EQ cao hơn một chút; tuy sự chênh lệch về EQ ở họ không nhiều so với sinh viên các năm đầu khoá học (năm thứ nhất và năm thứ hai).

### 3.3. So sánh mức độ EQ của sinh viên xét theo giới tính

Kết quả so sánh EQ theo giới tính thể hiện ở bảng 3

Bảng 3: Kết quả EQ của 99 sinh viên khoa TLGD xét theo giới tính

Giới tính	Số lượng	Điểm trung bình $\bar{X}$	Độ lệch chuẩn	Độ sai số của điểm TB
Nam	40	100,837	11,1482	1,7395
Nữ	59	102,928	14,0667	1,847

Từ số liệu bảng 3 cho thấy: Điểm EQ trung bình của nữ SV ( $\bar{X}=102,928$ ) cao hơn điểm EQ trung bình của nam sinh viên ( $\bar{X} = 100,837$ ) là 2,081 điểm. Kết quả này phù hợp với các công trình nghiên cứu ở trong nước (đề tài KX-05-06) và ở nước ngoài.

## 4. Nhận xét chung

Kết quả đo đạc bước đầu về chỉ số EQ của 99 sinh viên khoa TLGD bằng "trắc nghiệm trí thông minh cảm xúc" của John D.Mayer, Peter, David R.Caruso (MSCEIT đã được dùng ở Việt Nam từ năm 2002) cho thấy:

- Trí thông minh cảm xúc EQ ở sinh viên khoa TLGD ở mức trung bình có sự chênh lệch giữa nam và nữ nhưng không đáng kể, nữ thường phát triển trí thông minh cảm xúc nhanh hơn so với nam, nhưng nhìn chung mức độ phát triển EQ ở sinh viên không đồng đều, còn phân tán, ít tập trung.

- Không có sự tương ứng giữa chỉ số EQ ở sinh viên với điểm số học lực của họ. Tuy nhiên, ở sinh viên các năm cuối có chỉ số EQ phần nào cao hơn một chút so với sinh viên năm thứ nhất.

### \* Ý kiến đề xuất

- Trong công tác đào tạo, đánh giá và sử dụng sinh viên, không nên chỉ chú ý tới chỉ số IQ (trí thông minh) mà còn phải chú ý thích đáng tới năng lực trí tuệ cảm xúc EQ của họ. (Xem tiếp trang 34).

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Barry K. (1996) (edited). *Vietnam's women in transition*. Great Britan: McMilan Press Ltd.
2. Jamieson, N. (1993). *Understanding Vietnam*. Los Angeles: University of California Press.
3. Vũ Khiêu (1997). *Nho giáo và phát triển ở Việt Nam*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Kuhn, M. H., & McParland, T (1954). "An empirical investigation of self-attitudes" No 19 dẫn trong cuốn *Individual in Society: a textbook of social psychology* của các tác giả Krech D. Crutchfield R. S. & Ballchachey E. L. (1962). New York: McGraw Hill book company, Inc., tr. 79.
5. Hofstede, G., (1998). *Masculinity and Femininity: The taboo dimention of national cultures*. London: Sega Publication.
6. Jea-Ho Cha (1994). "Aspects of individualism and collectivism in Korea". In trong cuốn *Individualism and Collectivism: Theory, Method, and Applications* do U. Kim, H. C. Triandis, C. Kagitcibasi, S. C. Choi & Gene Yoon chủ biên. Thousand Oaks: Sega, tr. 157-174.
7. Phan Ngọc (1998). *Bản sắc văn hóa Việt Nam*. Nhà xuất bản Thông tin văn hoá, Hà Nội.
8. Parkes, L.P., Schneider S.K. & Bochner, S. (1999). Individualism-collectivism and self-concept: Social or contextual?. *Asian Journal of Social Psychology*. Vol.2, Issue 3, December, 1999, tr. 367-383.
9. Sinha, D. & Tripathi, R. C. (1994). "Individualism in a collectivist culture" Trong cuốn *Individualism and Collectivism: Theory, Method, and Applications* do U. Kim, H. C. Triandis, Cigdem Kagitcibasi, Sang-Chin Choi & Gene Yoon chủ biên. Thousand Oaks: Sega, tr. 131.
10. Slote, W.H & Devos, G.A.(1998) *Confucianism and the Family*. Albany: State University of NewYork Press.
11. Smith, P. B. & Bond, M. H. (1999). *Social psychology across cultures*. Boston / Tokyo:

Allyn and Bacon.

12. Triandis, H.C (1995). *Individualism and Collectivism*. Boulder, Co: Westview.
13. Ward, C. (1999) "The Asian Self". *Progress in Asian Social Psychology, Vol II: Theoretical and Emperical Contributions* edite by Toshio Sugiman, Minoru Karasawa, James H. Liu và Colleen Ward chủ biên. Korea: Kyoyook-Kwahak-Sa Publishing Company, tr. 59-62.

## THỬ ĐO ĐẶC CHỈ SỐ...

(Tiếp theo trang 24)

- Trong nội dung đào tạo, phương pháp đào tạo và rèn luyện sinh viên cần chú ý cả các loại trí tuệ: trí tuệ lý trí IQ (trí thông minh), trí tuệ cảm xúc (EQ) và trí tuệ sáng tạo (CQ).

Đặc biệt đối với sinh viên sư phạm được đào tạo để trở thành người giáo viên cần chú ý nhiều hơn nữa tới ý nghĩa và tầm quan trọng của việc rèn luyện trí tuệ cảm xúc, góp phần hình thành nhân cách toàn diện của người giáo viên. ♣

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 - Daniel Goleman. *Trí tuệ xúc cảm*. Bản dịch từ tiếng Pháp ra tiếng Việt của Lê Diên. Nxb KHXH. Hà Nội 2002.
- 2 - Chemiss C & Goleman D. *The Emotinally Intelligent Workplace*. Jossey - Bass (2001).
- 3 - Nguyễn Công Khanh. *Mô hình lí thuyết về trí tuệ cảm xúc*. Tạp chí Giáo dục số 61.
- 4 - Trần Kiều và nhiều tác giả. *Đo lường các chỉ số IQ, EQ, CQ ở học sinh và sinh viên*. (Kỷ yếu Hội thảo quốc tế tháng 11/2003 về "Nghiên cứu văn hoá, con người, nguồn nhân lực đầu thế kỷ XXI").
- 5 - Nguyễn Huy Tú. *Trí tuệ cảm xúc - Bản chất và phương pháp chẩn đoán*. Tạp chí TLH số 6 năm 2003.